TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH QN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/ HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2025
Về việc "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH QN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Phạm Duy Huy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chín - Thư ký Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh QN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh QN tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2025 của Toà án nhân dân huyện BT, giữa các đương sự*:*

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn NL, xã BX, huyện BT, tỉnh QN.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn NL, xã BX, huyện BT, tỉnh QN.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Kh trình bày:

Chị Kh và anh L quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BX, huyện BT vào năm ……. Trong cuộc sống giữa chị chị Kh và anh L có những bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị Kh và anh Lốc đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến Ny không

quan tâm đến nhau. Ny, chị Kh xét thấy tình cảm đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Kh yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn L.

-Về con chung: có 02 con chung tên: Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017. Khi ly hôn chị Kh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh theo phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: không có nợ chung.

* Bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Văn L không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án. Vì vậy, không có ý kiến của của đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh QN phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kh. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Kh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét; nợ chung, tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: chị Kh phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Chị Kh khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Phạm Văn L, anh L có nơi cư trú tại thôn NL, xã BX, huyện BT, tỉnh QN, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh QN theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Kh và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã BX, huyện BT, tỉnh QN vào năm 2023, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Kh có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh QN đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Anh Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt 02 lần không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Về hôn nhân giữa chị Kh và L đã có mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng và mời các bên đến để hòa giải nhưng anh Phạm Văn L không đến thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không muốn hòa giải, đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Kh và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Phạm Thị Kh được ly hôn với anh Phạm Văn L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Kh và anh L có 02 con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017.

Khi ly hôn chị Kh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị Kh, anh Theo, HĐXX thấy:

Hiện Nay các cháu đang sống cùng với chị Kh. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển nên chấp nhận giao con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

Chị Kh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Phạm Thị Kh và anh Phạm Văn L; về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kh.

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kh được ly hôn anh Phạm Văn L.

2.Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Thị Ti N, sinh ngày 26/02/2013 và Phạm Thị An N, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phạm Thị Kh trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục.

Anh L chưa cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Kh đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004835 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh QN.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADS huyện BT;
- UBND Thi trấn BT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diếu